



Phụ lục I

(Kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP
ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ)

Mẫu số	Mẫu tên văn bản
Mẫu số 01	Đơn đăng ký cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
Mẫu số 02	Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Mẫu số 01. Đơn đăng ký cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐĂNG KÝ CẤP/CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng.

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:.....
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số.....
ngày, tháng, năm cấp..... cơ quan cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại:

Mã số thuế:.....

2. Thông tin phòng thí nghiệm:

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

3. Danh mục các chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký đủ điều kiện hoạt động:

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)

(Ghi chú: Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn; cam kết hành nghề hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng theo đúng nội dung ghi trong Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan).

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 02. Đơn đăng ký bổ sung, sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

..., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐĂNG KÝ BỔ SUNG, SỬA ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: Sở Xây dựng.

1. Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:.....
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số.....
ngày, tháng, năm cấp..... cơ quan cấp.....
Địa chỉ:
Điện thoại:
Mã số thuế:.....
2. Thông tin phòng thí nghiệm:
Địa chỉ:.....
Điện thoại:.....
3. Mã số phòng thí nghiệm được cấp: LAS-XD ...
4. Đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng số:
5. Các đề nghị bổ sung, sửa đổi:
 - a) Bổ sung, sửa đổi chỉ tiêu thí nghiệm

TT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm bổ sung, sửa đổi	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị
(1)	(2)	(3)	(4)

- b) Thay đổi địa chỉ đặt phòng thí nghiệm
 - Địa chỉ cũ:
 - Địa chỉ đề nghị thay đổi:
- c) Thay đổi địa chỉ, tên, thông tin của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
 - Địa chỉ, tên, thông tin cũ của tổ chức:
 - Địa chỉ, tên, thông tin của tổ chức đề nghị thay đổi:

(Ghi chú: Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ và nội dung kê khai trong đơn).

**ĐẠI DIỆN
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG
THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**
(Ký tên, đóng dấu)



Phụ lục II

*(Kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP
ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ)*

SỞ XÂY DỰNG

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**

Căn cứ(1).....;

Căn cứ(2).....;

Xét hồ sơ của(3).....

CHỨNG NHẬN:

1. ...(Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng)

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số.....
ngày, tháng, năm cấp..... cơ quan cấp.....

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax: E-mail:.....

Tên phòng thí nghiệm:

Địa chỉ đặt phòng thí nghiệm:.....

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu
thí nghiệm nêu trong bảng Danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

2. Mã số LAS-XD:.....

3. Giấy chứng nhận này có hiệu lực 05 năm kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Tên tổ chức tại mục 1;

- ...

- Lưu: VT,...

THỦ TRƯỞNG

(Cơ quan cấp giấy chứng nhận)

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Văn bản quy định về thẩm quyền, chức năng của cơ quan cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

(2) Văn bản quy phạm pháp luật quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.

(3) Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng.



Phụ lục III
NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ PHÒNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

*(Kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP
ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ)*

1. Đánh giá tính xác thực của hồ sơ đăng ký bao gồm:

a) Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy phép đầu tư;

b) Quyết định thành lập phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

c) Các quyết định bổ nhiệm các cán bộ quản lý hoạt động thí nghiệm (trưởng, phó phòng thí nghiệm);

d) Danh sách cán bộ, thí nghiệm viên và bản phân công công việc cho từng cá nhân trong phòng thí nghiệm đã được lãnh đạo phê duyệt, kèm theo các văn bằng, chứng chỉ được đào tạo liên quan (phù hợp với lĩnh vực thí nghiệm quy định tại khoản 1 Điều 5a Nghị định này);

đ) Danh mục các tài liệu, quy trình quản lý chất lượng và các tiêu chuẩn kỹ thuật đã được lãnh đạo phê duyệt;

e) Danh mục các thiết bị, dụng cụ của phòng thí nghiệm; hợp đồng mua, hóa đơn và biên bản bàn giao thiết bị thí nghiệm; quyết định của cấp có thẩm quyền đối với các thiết bị được điều chuyển từ cơ quan khác;

g) Chứng chỉ kiểm định/hiệu chuẩn (còn hiệu lực) các thiết bị thí nghiệm và đo lường theo quy định;

h) Hợp đồng sử dụng lao động đối với trưởng, phó phòng thí nghiệm và thí nghiệm viên được đăng ký trong hồ sơ;

i) Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp địa điểm đặt phòng thí nghiệm kèm theo bản vẽ mặt bằng (kích thước phòng, vị trí các thiết bị thử nghiệm, vị trí lưu mẫu, bảo dưỡng mẫu...).

2. Đánh giá thực tế năng lực của phòng thí nghiệm, bao gồm:

a) Sổ tay chất lượng, các quy trình: quy trình lấy mẫu, lưu mẫu, bảo quản và mã hóa mẫu thí nghiệm (việc mã hóa mẫu thí nghiệm không áp dụng với các thí nghiệm tiến hành tại hiện trường; các mẫu đơn lẻ có tính đặc thù trong phòng

thí nghiệm); quy trình thử nghiệm thành thạo/sơ sánh liên phòng; quy trình đào tạo; quy trình quản lý tài liệu kỹ thuật; quy trình quản lý, sử dụng, vận hành máy móc, trang thiết bị thí nghiệm; thủ tục, các biểu mẫu và các tài liệu liên quan;

b) Không gian, điều kiện và môi trường đảm bảo thực hiện các thí nghiệm, lưu giữ và bảo quản mẫu;

c) Tình trạng trang thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác lấy, lưu, bảo quản mẫu và thí nghiệm mẫu;

d) Tiêu chuẩn kỹ thuật, thiết bị, dụng cụ, chứng chỉ của thí nghiệm viên và điều kiện thí nghiệm cho từng chỉ tiêu thí nghiệm đăng ký.



Phụ lục IV
MÃ ĐỊNH DANH PHÒNG THÍ NGHIỆM
CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG THEO TỈNH/THÀNH PHỐ
(Kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP
ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ)

Mã định danh LAS-XD	Tỉnh/thành phố	Mã định danh LAS-XD	Tỉnh/thành phố
LAS-XD 01	An Giang	LAS-XD 33	Kon Tum
LAS-XD 02	Bà Rịa- Vũng Tàu	LAS-XD 34	Lai Châu
LAS-XD 03	Bắc Giang	LAS-XD 35	Lâm Đồng
LAS-XD 04	Bắc Kạn	LAS-XD 36	Lạng Sơn
LAS-XD 05	Bạc Liêu	LAS-XD 37	Lào Cai
LAS-XD 06	Bắc Ninh	LAS-XD 38	Long An
LAS-XD 07	Bến Tre	LAS-XD 39	Nam Định
LAS-XD 08	Bình Định	LAS-XD 40	Nghệ An
LAS-XD 09	Bình Dương	LAS-XD 41	Ninh Bình
LAS-XD 10	Bình Phước	LAS-XD 42	Ninh Thuận
LAS-XD 11	Bình Thuận	LAS-XD 43	Phú Thọ
LAS-XD 12	Cà Mau	LAS-XD 44	Phú Yên
LAS-XD 13	Cần Thơ	LAS-XD 45	Quảng Bình
LAS-XD 14	Cao Bằng	LAS-XD 46	Quảng Nam
LAS-XD 15	Đà Nẵng	LAS-XD 47	Quảng Ngãi
LAS-XD 16	Đắk Lắk	LAS-XD 48	Quảng Ninh
LAS-XD 17	Đắk Nông	LAS-XD 49	Quảng Trị

Mã định danh LAS-XD	Tỉnh/thành phố	Mã định danh LAS-XD	Tỉnh/thành phố
LAS-XD 18	Điện Biên	LAS-XD 50	Sóc Trăng
LAS-XD 19	Đồng Nai	LAS-XD 51	Sơn La
LAS-XD 20	Đồng Tháp	LAS-XD 52	Tây Ninh
LAS-XD 21	Gia Lai	LAS-XD 53	Thái Bình
LAS-XD 22	Hà Giang	LAS-XD 54	Thái Nguyên
LAS-XD 23	Hà Nam	LAS-XD 55	Thanh Hóa
LAS-XD 24	Hà Nội	LAS-XD 56	Thừa Thiên Huế
LAS-XD 25	Hà Tĩnh	LAS-XD 57	Tiền Giang
LAS-XD 26	Hải Dương	LAS-XD 58	Thành phố Hồ Chí Minh
LAS-XD 27	Hải Phòng	LAS-XD 59	Trà Vinh
LAS-XD 28	Hậu Giang	LAS-XD 60	Tuyên Quang
LAS-XD 29	Hòa Bình	LAS-XD 61	Vĩnh Long
LAS-XD 30	Hưng Yên	LAS-XD 62	Vĩnh Phúc
LAS-XD 31	Khánh Hòa	LAS-XD 63	Yên Bái
LAS-XD 32	Kiên Giang		

Ví dụ: Phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng có số thứ tự 039 được cấp tại tỉnh An Giang, sẽ có mã LAS-XD đầy đủ là: LAS-XD 01.039.



Phụ lục V

*(Kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP
ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ)*

... (1) ...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày tháng năm

**THÔNG BÁO
KẾT QUẢ KIỂM TRA CÔNG TÁC NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi : (2).....

Căn cứ(3).....;

Căn cứ giấy phép xây dựng số ... (đối với trường hợp công trình xây dựng phải có giấy phép xây dựng);

Căn cứ vào hồ sơ thiết kế xây dựng công trình và các hồ sơ thiết kế điều chỉnh (nếu có) được thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng;

Căn cứ báo cáo hoàn thành thi công xây dựng của chủ đầu tư số; báo cáo khắc phục tồn tại của chủ đầu tư số... (nếu có); biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình số.....;

Căn cứ văn bản chấp thuận nghiệm thu về phòng cháy và chữa cháy số(nếu có);

Căn cứ các văn bản có liên quan theo quy định của pháp luật chuyên ngành (nếu có);

.....(1)..... chấp thuận kết quả nghiệm thu(4).... của(2)..... đối với công trình/hạng mục công trình như sau:

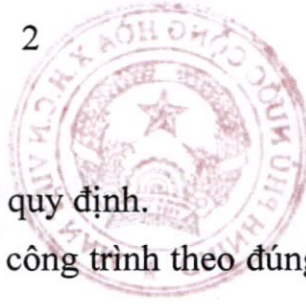
1. Thông tin về công trình

a) Tên công trình/hạng mục công trình:(5)....

b) Địa điểm xây dựng:

c) Loại và cấp công trình.

d) Mô tả các thông số chính của công trình.



2. Yêu cầu đối với chủ đầu tư

- a) Lưu trữ hồ sơ công trình theo quy định.
- b) Quản lý, khai thác, vận hành công trình theo đúng công năng, thiết kế được duyệt.
- c) Các yêu cầu khác (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định này.
- (2) Tên của chủ đầu tư.
- (3) Văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng.
- (4) Nghiệm thu hoàn thành hoặc nghiệm thu có điều kiện, nghiệm thu một phần theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 23 Nghị định này.
- (5) Tên công trình/hạng mục công trình và phạm vi được chấp thuận kết quả nghiệm thu.



Phụ lục VI

*(Kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP
ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ)*

Mẫu số 02. Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

**CƠ QUAN CHUYÊN MÔN
VỀ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm

V/v thông báo kết quả
thẩm định Báo cáo nghiên cứu
khả thi đầu tư xây dựng...
(tên dự án)

Kính gửi: (Tên đơn vị trình).

(Cơ quan chuyên môn về xây dựng) đã nhận văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng... (tên dự án).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ ... (văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi xem xét, (Cơ quan chuyên môn về xây dựng) thông báo kết quả thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng... (tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

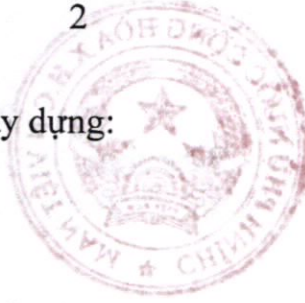
1. Tên dự án:

2. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án:

3. Người quyết định đầu tư:

4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):

5. Địa điểm xây dựng:



6. Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng:
11. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
12. Nhà thầu thẩm tra (nếu có):
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):
3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng của tổ chức trình thẩm định.

(Riêng đối với công trình xây dựng có kết cấu dạng nhà thuộc dự án cần thể hiện được các nội dung, thông số chủ yếu của công trình gồm diện tích xây dựng, mật độ xây dựng, tổng diện tích sàn xây dựng, hệ số sử dụng đất, số tầng cao, chiều cao công trình, chỉ giới xây dựng công trình, bố trí công năng công trình)

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng, thiết kế cơ sở; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.

2. Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.

3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).

Đối với dự án mà nhà đầu tư đã trúng đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư, trúng đấu giá quyền sử dụng đất thuộc trường hợp được chuyển tiếp theo quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 không có yêu cầu phải chấp thuận chủ trương đầu tư, cơ quan thẩm định đánh giá sự phù hợp của dự án với các nội dung yêu cầu tại văn bản quyết định phê duyệt kết quả trúng đấu giá, văn bản phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư.

Đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị cần có đánh giá về kế hoạch xây dựng, hoàn thành các công trình hạ tầng kỹ thuật trước khi đưa các công trình nhà ở và công trình khác vào sử dụng; sự phù hợp của kế hoạch xây dựng của dự án thành phần hoặc giai đoạn thực hiện dự án đối với dự án tổng thể trong trường hợp trình thẩm định theo dự án thành phần hoặc phân kỳ đầu tư.

4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực; khả năng đáp ứng hạ tầng kỹ thuật và việc phân giao trách nhiệm quản lý các công trình theo quy định của pháp luật có liên quan đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế cơ sở về bảo đảm an toàn xây dựng; việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

7. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

V. KẾT LUẬN

Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng... (*tên dự án*) đủ điều kiện/chưa đủ điều kiện/chỉ đủ điều kiện sau khi hoàn thiện các nội dung yêu cầu để trình tổng hợp, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (*Cơ quan chuyên môn về xây dựng*) về kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng... (*tên dự án*). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- ...;
- Lưu:...

CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ XÂY DỰNG

(*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu*)

Mẫu số 02a. Thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...

..., ngày ... tháng năm

V/v thông báo kết quả thẩm định
Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng...
(tên dự án)

Kính gửi: (Tên đơn vị đề nghị thẩm định).

(Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) đã nhận văn bản số ... ngày ... tháng ... năm ... của đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (tên dự án).

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ ... (văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Sau khi xem xét, (Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định) thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính thuộc dự án:

3. Người quyết định đầu tư:

4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):

5. Địa điểm xây dựng:

6. Giá trị tổng mức đầu tư xây dựng:

7. Nguồn vốn đầu tư:

8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng:
11. Nhà thầu khảo sát xây dựng:
12. Nhà thầu thẩm tra (nếu có):
13. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý và văn bản khác có liên quan của dự án)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế, thẩm tra (nếu có):
3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng được gửi kèm theo văn bản yêu cầu thẩm định.

(Riêng đối với công trình xây dựng có kết cấu dạng nhà thuộc dự án cần thể hiện được các nội dung, thông số chủ yếu của công trình gồm diện tích xây dựng, mật độ xây dựng, tổng diện tích sàn xây dựng, hệ số sử dụng đất, số tầng cao, chiều cao công trình, chỉ giới xây dựng công trình, bố trí công năng công trình)

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về lập dự án đầu tư xây dựng; điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân hành nghề xây dựng.
2. Sự phù hợp của thiết kế bản vẽ thi công với quy hoạch xây dựng, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về quy hoạch hoặc phương án tuyến công trình, vị trí công trình được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.
3. Sự phù hợp của dự án với chủ trương đầu tư được cơ quan nhà nước có thẩm quyền quyết định hoặc chấp thuận; với chương trình, kế hoạch thực hiện, các yêu cầu khác của dự án theo quy định của pháp luật có liên quan (nếu có).
4. Khả năng kết nối hạ tầng kỹ thuật khu vực.

5. Sự phù hợp của giải pháp thiết kế bản vẽ thi công về bảo đảm an toàn xây dựng.

6. Sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và áp dụng tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật.

7. Kiểm tra việc thực hiện các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

8. Sự tuân thủ quy định của pháp luật về xác định tổng mức đầu tư xây dựng (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công).

9. Đối với trường hợp yêu cầu phải thực hiện thẩm tra thiết kế theo quy định, cơ quan/đơn vị được giao thẩm định kiểm tra kết quả thẩm tra của tổ chức tư vấn về đáp ứng yêu cầu an toàn công trình, sự tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật và quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn trong thiết kế (*trường hợp này cơ quan/đơn vị được giao thẩm định không thực hiện trực tiếp nội dung quy định tại khoản 5 và khoản 6 của mục này*).

V. KẾT LUẬN

Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (*tên dự án*) đủ điều kiện/chưa đủ điều kiện/chỉ đủ điều kiện sau khi hoàn thiện các nội dung yêu cầu để trình tổng hợp, phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện (nếu có).

Trên đây là thông báo của (*Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định*) về kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng... (*tên dự án*). Đề nghị đơn vị đề nghị thẩm định nghiên cứu thực hiện theo quy định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- ...;
- Lưu:...

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ THẨM ĐỊNH

(*Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu*)

Ghi chú: Mẫu số 02a sử dụng để tham khảo cho việc thẩm định của Cơ quan/Đơn vị được Người quyết định đầu tư giao thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều 12 Nghị định này.

Mẫu số 03. Quyết định phê duyệt dự án đối với dự án yêu cầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt dự án... (tên dự án)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ ... (văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số... của cơ quan thẩm định (nếu có);

Theo đề nghị của tại Tờ trình số... ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án... (tên dự án) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:
2. Người quyết định đầu tư:
3. Chủ đầu tư:
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:
5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có); tổ chức tư vấn lập thiết kế cơ sở:
6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:
7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:
8. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:
9. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có):

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có):

15. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 03a. Quyết định phê duyệt dự án đối với dự án chỉ cần lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...

..., ngày ... tháng ... năm...

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt dự án... (tên dự án)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ ... (văn bản quy phạm pháp luật quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng);

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số... của cơ quan thẩm định (nếu có);

Theo đề nghị của tại Tờ trình số... ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án... (tên dự án) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án:
2. Người quyết định đầu tư:
3. Chủ đầu tư:
4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:
5. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng, tổ chức lập khảo sát xây dựng (nếu có):
6. Địa điểm xây dựng và diện tích đất sử dụng:
7. Loại, nhóm dự án; loại, cấp công trình chính; thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính:
8. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:
9. Tổng mức đầu tư xây dựng; giá trị các khoản mục chi phí trong tổng mức đầu tư xây dựng:

10. Tiến độ thực hiện dự án; phân kỳ đầu tư (nếu có); thời hạn hoạt động của dự án (nếu có):

11. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án:

12. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng:

13. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (nếu có):

14. Trình tự đầu tư xây dựng đối với công trình bí mật nhà nước (nếu có):

15. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu:...

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: Mẫu số 03a áp dụng cho việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 4 Điều 12 Nghị định này.



Phụ lục VII

*(Kèm theo Nghị định số 35/2023/NĐ-CP
ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ)*

1. Sửa đổi, bổ sung mục 1 phần Điều chỉnh/Gia hạn giấy phép tại trang 2 các Mẫu số 03, 04, 05, 06, 07, 08, 09, 10, 11 và 12 Phụ lục II kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP như sau:

“1. Nội dung điều chỉnh/gia hạn:
(trường hợp trang 2 không đủ để ghi nội dung điều chỉnh/gia hạn thì nội dung này được ghi vào các trang tiếp theo đính kèm và là một phần không tách rời của giấy phép xây dựng).”

2. Sửa đổi, bổ sung ghi chú số ⁽²⁾ Mẫu số 01 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP như sau:

“(2) Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề do chứng chỉ cũ rách/nát, bị thất lạc.”

3. Sửa đổi, bổ sung đoạn cuối tại Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng Mẫu số 03 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP như sau:

“Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ, nội dung kê khai trong đơn và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.”

4. Sửa đổi, bổ sung nội dung hoạt động xây dựng tại mục 10 Mẫu số 04 Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP như sau:

“Nội dung hoạt động xây dựng (ghi rõ lĩnh vực hoạt động và vai trò: nhà thầu chính, nhà thầu phụ, tổng thầu; nội dung công việc thực hiện; ký hiệu, ngày, tháng, năm của hợp đồng thực hiện công việc).”

5. Sửa đổi, bổ sung nội dung về phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ hành nghề đối với lĩnh vực thiết kế kết cấu công trình tại mục 3.1 Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP như sau:

STT	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ hành nghề			Ghi chú
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	
3.1	Thiết kế kết cấu công trình	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống, tuyến cáp treo vận chuyển người và các dạng kết cấu khác của tất cả các cấp công trình.	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống, tuyến cáp treo vận chuyển người và các dạng kết cấu khác của công trình từ cấp II trở xuống.	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống, tuyến cáp treo vận chuyển người và các dạng kết cấu khác của công trình từ cấp III trở xuống.	

6. Sửa đổi, bổ sung nội dung về phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ hành nghề đối với lĩnh vực thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình giao thông đường bộ tại điểm 3.5.1 mục 3.5 Phụ lục VI kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP như sau:

STT	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ hành nghề			Ghi chú
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	
3.5	3.5.1. Đường bộ	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế tất cả các cấp công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề và công trình khu bay.	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề và công trình khu bay từ cấp II trở xuống.	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế các công trình thuộc lĩnh vực được ghi trong chứng chỉ hành nghề và công trình khu bay từ cấp III trở xuống.	

7. Sửa đổi, bổ sung nội dung về phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ năng lực đối với lĩnh vực thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng hạng III tại mục 3.1 Phụ lục VII kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP như sau:

STT	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ năng lực			Ghi chú
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	
3.1	Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình dân dụng	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình tất cả các cấp của công trình: dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (trừ cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn) và công trình khác có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống.	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình từ cấp II trở xuống của công trình: dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (trừ cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn) và công trình khác có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống.	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình từ cấp III trở xuống của công trình: dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (trừ cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn) và công trình khác có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống.	Trường hợp tổ chức được cấp chứng chỉ năng lực với một hoặc một số bộ môn của thiết kế xây dựng thì phạm vi thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng áp dụng đối với bộ môn đó tương ứng với từng hạng chứng chỉ.

8. Sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động xây dựng tại mục 3.5 Phụ lục VII kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP như sau:

STT	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ năng lực			Ghi chú
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	
3.5	Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình công nghiệp năng lượng (không bao gồm các nội dung về công nghệ thuộc chuyên ngành điện), gồm: 3.5.1. Nhiệt điện, điện địa nhiệt 3.5.2. Điện hạt nhân 3.5.3. Thủy điện 3.5.4. Điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều 3.5.5. Điện sinh khối, điện rác, điện khí biogas 3.5.6. Đường dây và trạm biến áp	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng tất cả các cấp công trình cùng loại.	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng các công trình cùng loại từ cấp II trở xuống.	Được thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng các công trình cùng loại từ cấp III trở xuống.	Trường hợp tổ chức được cấp chứng chỉ năng lực với một hoặc một số bộ môn của thiết kế xây dựng thì phạm vi thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng áp dụng đối với bộ môn đó tương ứng với từng hạng chứng chỉ.

9. Sửa đổi, bổ sung lĩnh vực hoạt động xây dựng tại mục 5.5 Phụ lục VII kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP như sau:

STT	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ năng lực			Ghi chú
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	
5.5	Thi công công tác xây dựng công trình công nghiệp năng lượng (không bao gồm các nội dung về công nghệ thuộc chuyên ngành điện), gồm: 5.5.1. Nhiệt điện, điện địa nhiệt 5.5.2. Điện hạt nhân 5.5.3. Thủy điện 5.5.4. Điện gió, điện mặt trời, điện thủy triều 5.5.5. Điện sinh khối, điện rác, điện khí biogas 5.5.6. Đường dây và trạm biến áp	Được thi công công tác xây dựng tất cả các cấp công trình cùng loại.	Được thi công công tác xây dựng công trình cùng loại từ cấp II trở xuống.	Được thi công công tác xây dựng công trình cùng loại từ cấp III trở xuống.	

10. Sửa đổi, bổ sung nội dung về phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ năng lực đối với lĩnh vực thi công công tác xây dựng công trình giao thông đường bộ tại điểm 5.6.1 mục 5.6 Phụ lục VII kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP như sau:

STT	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ năng lực			Ghi chú
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	
5.6	5.6.1. Đường bộ	Được thi công công tác xây dựng tất cả các cấp công trình cùng loại và công trình khu bay.	Được thi công công tác xây dựng công trình cùng loại và công trình khu bay từ cấp II trở xuống.	Được thi công công tác xây dựng công trình cùng loại và công trình khu bay từ cấp III trở xuống.	

11. Sửa đổi, bổ sung nội dung về phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ năng lực đối với lĩnh vực tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng tại mục 6.1 Phụ lục VII kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP như sau:

STT	Lĩnh vực hoạt động xây dựng	Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ năng lực			Ghi chú
		Hạng I	Hạng II	Hạng III	
6.1	Tư vấn giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng	Được giám sát công tác xây dựng công trình tất cả các cấp của công trình: dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (trừ cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn) và công trình khác có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống, tuyến cáp treo vận chuyển người, cảng cạn.	Được giám sát công tác xây dựng công trình từ cấp II trở xuống của công trình: dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (trừ cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn) và công trình khác có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống, tuyến cáp treo vận chuyển người, cảng cạn.	Được giám sát công tác xây dựng công trình từ cấp III trở xuống của công trình: dân dụng, hạ tầng kỹ thuật (trừ cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải rắn) và công trình khác có kết cấu dạng nhà, cột, trụ, tháp, bể chứa, si lô, tuyến ống/cống, tuyến cáp treo vận chuyển người, cảng cạn.	

12. Sửa đổi, bổ sung mục VI, tiết a điểm 1 mục VII và bổ sung mục Ghi chú tại Phụ lục IX kèm theo Nghị định số 15/2021/NĐ-CP như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung mục VI như sau:

“VI. DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH QUỐC PHÒNG, AN NINH

Dự án đầu tư xây dựng công trình quốc phòng, an ninh là dự án đầu tư xây dựng nhằm phục vụ cho mục đích quốc phòng, an ninh. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết về dự án đầu tư xây dựng công trình quốc phòng, an ninh.”.

b) Sửa đổi tiết a điểm 1 mục VII như sau:

“a) Dự án đầu tư xây dựng khu đô thị có nhà ở là dự án được đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hình thành từ một đơn vị ở trở lên theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt hoặc dự án có quy mô sử dụng đất từ 20 héc ta trở lên đối với trường hợp quy hoạch xây dựng không xác định rõ các đơn vị ở;”.

c) Bổ sung mục Ghi chú vào sau mục VII như sau:

“Ghi chú: Việc phân loại dự án tại Phụ lục này để phục vụ quản lý các hoạt động xây dựng theo pháp luật về xây dựng, không áp dụng để xác định dự án xây dựng khu đô thị mới thuộc đối tượng thu hồi đất theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai số 45/2013/QH13 .”.